

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN D  
TỈNH BÌNH D

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 99/2022/HS-ST  
Ngày: 27 - 12 - 2022

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BÌ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Xuân Kiên.
- Ông Hồ Đắc Minh.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Khuyển – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B tham gia phiên tòa:***  
Bà Phạm Thị Hường – Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 87/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Trình Văn Ch, sinh năm 1978, tại tỉnh Th; hộ khẩu thường trú tại: Khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Trình Xuân H, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1955; bị cáo có 04 em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1985; vợ tên Trần Thị M, sinh năm 1981; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/9/2022 đến nay, có mặt.

2. Tạ Minh T, sinh năm 1988, tại tỉnh B; hộ khẩu thường trú tại: Ấp T a, xã L, huyện D, tỉnh B; chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Tạ Minh H1, sinh năm 1949 (đã chết) và bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1953; bị cáo có 07 chị em, lớn nhất sinh năm

1971, nhỏ nhất là bị cáo; có vợ tên Nguyễn Thị Bé Tr, sinh năm 1988 (đã ly hôn), có 01 người con, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/12/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh B1 xử 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 130/2012/HS-ST (bút lục 211). Bản án số 51/2013/HSPT ngày 09/4/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh B1 sửa bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng. Bị cáo T đã chấp hành xong bản án (bút lục 215). Bị cáo bị áp dụng lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/9/2022 đến nay, có mặt.

3. Nguyễn Minh Nh, sinh năm 1981, tại tỉnh B; hộ khẩu thường trú tại: Ấp 4, xã Nh, thị xã Ch, tỉnh B1; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1955; bị cáo có 03 chị em, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1983; vợ tên Lê Thị Kim L, sinh năm 1983 (đã ly hôn); có 02 người con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/9/2022 đến nay, có mặt.

4. Nguyễn Văn M, sinh năm 1991, tại Thành phố H; hộ khẩu thường trú tại: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1938 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; vợ tên Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1994 (đã ly hôn); có 01 người con, sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/9/2022 đến nay, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Hạ Thị Thùy Tr, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh B.

3. Bà Nguyễn Thị Nh1, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh B.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 19/8/2022, qua công tác kiểm tra hành chính Công an xã L, huyện D đã phát hiện tại phòng khách của Văn phòng bất động sản Đoàn Kết Ph thuộc ấp L, xã L, huyện D, tỉnh B có 04 đối tượng gồm Trình Văn Ch, Nguyễn Minh Nh, Tạ Minh T, Nguyễn Văn M có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài cào ba lá.

Hình thức đánh bài cào: Sử dụng bộ bài tây 52 lá, chia cho mỗi người chơi 03 lá, người chơi cộng điểm ba lá bài với nhau để phân định thắng thua. Số điểm được tính từ 0 đến 9, cao nhất là 09 điểm, thấp nhất là 0 điểm. Người chơi nào

có tổng số điểm 03 lá bài cao nhất sẽ ăn hết số tiền đặt cược của những người chơi còn lại. Điểm số các lá bài được tính như sau: lá bài Át được tính 01 điểm; các lá bài 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 được tính điểm tương ứng với con số ghi trên lá bài; các lá bài 10, J, Q, K được tính là 0 điểm.

Hành vi của các bị cáo cụ thể như sau:

Trình Văn Ch – là chủ Văn phòng bất động sản Đoàn Kết Ph: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 19/8/2022, tại Văn phòng bất động sản Đoàn Kết Ph thuộc ấp L, xã L, huyện D, tỉnh B, Ch lấy bộ bài tây có sẵn trong phòng rử Tạ Minh T và Nguyễn Minh Nh chơi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức bài cào ba lá, làm cái xoay vòng (mỗi người làm cái 03 ván). Khoảng 01 giờ sau thì Nguyễn Văn M đến và cùng tham gia đánh bạc. Ch sử dụng số tiền 13.000.000 đồng để đánh bạc. Quá trình chơi, Ch thắng được 2.500.000 đồng, nhặt được số tiền 1.000.000 đồng của Nguyễn Minh Nh dưới chiếu bạc. Tất cả số tiền này Ch cất vào tủ sắt và bị Công an thu giữ.

Nguyễn Minh Nh: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 19/8/2022, Nh đi bộ đến Văn phòng bất động sản Đoàn Kết Ph để chơi. Đến nơi Ch rủ Nh đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài cào ba lá. Nh đồng ý và sử dụng số tiền 800.000 đồng để đánh bạc cùng với Ch, T và M. Quá trình chơi, Nh thắng được 200.000 đồng. Khi biết Công an đến kiểm tra, Nh vứt bỏ số tiền 1.000.000 đồng xuống chiếu bạc, chạy vào nhà vệ sinh trốn.

Tạ Minh T: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 19/8/2022, T đến Văn phòng bất động sản Đoàn Kết Ph để chơi. Đến nơi Chiến rủ Tuyên đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài cào ba lá. T đồng ý và sử dụng số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc cùng với Ch, Nh và M. Quá trình chơi, T thắng được 500.000 đồng. Công an thu giữ trong bóp của T số tiền 2.000.000 đồng.

Nguyễn Văn M: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 19/8/2022, M đi bộ đến Văn phòng bất động sản Đoàn Kết Ph để chơi. Đến nơi, M thấy Ch, T, Nh đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài cào ba lá, M vào tham gia. M sử dụng số tiền 4.300.000 đồng để đánh bạc cùng với Ch, Nh và T. Quá trình chơi, M thua số tiền 3.200.000 đồng. Công an thu giữ trong bóp của M số tiền 1.100.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc trái phép là **19.600.000 đồng**.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật: Ở phòng khách: 01 (một) chiếu có viền màu xanh, kích thước (180 x 200) cm. Trên người của Tạ Minh T: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, số IMEI 1: 860821052606090, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xám, 01 (một) ví da có 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Trên người của Nguyễn Văn M gồm: 01 (một) bóp da màu đen bên trong có 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng), 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu xanh, số IMEI:

353897108661325 trong túi quần Jean lưng phía trước bên trái. Bên ngoài cửa sổ phòng khách: 91 lá bài tây đã qua sử dụng, 05 bộ bài tây đã qua sử dụng. Trong phòng ngủ (*có cửa thông với phòng khách*): Trong tủ sắt tại ngăn thứ hai bên phải có: 01 (*một*) lá bài tây (*9 bích*) và 16.500.000 đồng (*Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) của Trình Văn Ch, dưới ghế nhựa màu đỏ của Nguyễn Minh Nh có: 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xám, số IMEI 356955704548960, trên nền gạch phía dưới gầm tủ sắt có: 03 (*ba*) lá bài tây (*6 rô, J cơ, K chuồn*), trên nền gạch trong nhà vệ sinh có: 03 (*ba*) lá bài tây (*8 bích, A rô, Q cơ*).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo như Cáo trạng số 90/CT- VKSDT- HS ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt chính, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự tuyên bố các bị cáo Trình Văn Ch, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Nh, Tạ Minh T phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trình Văn Ch từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tạ Minh T từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 (mười bốn) tháng đến 18 (mười tám) tháng.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 08 (tám) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 (mười sáu) tháng đến 18 (mười tám) tháng. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Nh từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 16 (mười sáu) tháng.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng Khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự xử phạt Trình Văn Ch từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Nh, Tạ Minh T mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng đề nghị:

Đối với 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, số IMEI 1: 860821052606090; 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xám và 01 ví da thu giữ của Phạm Minh T; 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu xanh, số IMEI: 353897108661325; 01 (*một*) bóp da màu đen thu giữ của Nguyễn Văn M; 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xám, số IMEI 356955704548960 thu giữ của Nguyễn Minh Nh, đây là tài sản cá nhân của các bị cáo T, M và Nh, các bị cáo không sử dụng vào

việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho các bị cáo (bút lục 04, 05, 06).

Đối với 01 (một) chiếc có viền màu xanh, kích thước (180 x 200) cm; 05 bộ bài tây (đã qua sử dụng); 98 lá bài tây đã qua sử dụng, xác định đây là công cụ các bị cáo dùng để đánh bạc trái phép nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

Đối với số tiền 19.600.000 đồng thu giữ của bị cáo T, M và Ch, xác định là tiền sử dụng vào việc đánh bạc trái phép nên đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Quá trình thu thập chứng cứ cũng như kết quả thẩm tra tại phiên tòa, lời khai và trình bày của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án như sau:

Các bị cáo khai nhận thống nhất với kết quả điều tra và Cáo trạng, cũng như bản luận tội của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo. Thống nhất về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng theo đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa. Các bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Quá trình giải quyết vụ án các bị cáo không có ý kiến gì cũng không có bất cứ khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Quá trình điều tra bà Hạ Thị Thùy Tr, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Nh1 khai nhận thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo Ch: Bị cáo đã nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, là tệ nạn bị xã hội lên án, làm ảnh hưởng không tốt đến các con và gia đình, bị cáo rất hối hận, hứa không tái phạm, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo T: Bị cáo rất hối hận về hành vi đánh bạc mà mình đã tham gia, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội đi làm việc để nuôi dưỡng con và chăm sóc cha mẹ già.

Bị cáo M: Bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội đi làm việc để nuôi dưỡng con và chăm sóc cha mẹ già.

Bị cáo Nh: Bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội ở nhà chăm sóc gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo thống nhất với nội dung Bản kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra và bản Cáo trạng của Viện kiểm sát, phù hợp với vật chứng mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 14 giờ 00 phút đến 17 giờ 30 phút, ngày 19/8/2022, tại Văn phòng bắt động sản Đoàn Kết Ph thuộc ấp L, xã L, huyện D, tỉnh B các bị can Trình Văn Ch, Nguyễn Minh Nh, Tạ Minh T, Nguyễn Văn M có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài cào ba lá với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 19.600.000 đồng.

Hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Như vậy, bản Cáo trạng số 90/CT- VKSDT- HS ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, đủ khả năng để nhận thức được đánh bạc là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến an ninh trật tự an toàn xã hội, chỉ vì mục đích ham lợi nhất thời, mong muốn kiếm tiền nhanh không phải mất nhiều công sức lao động mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Đánh bạc là một tệ nạn đang bị xã hội lên án, là một trong những nguyên nhân kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác, làm cho đạo đức xã hội xuống cấp, quan hệ giữa người với người trở nên hận thù vì được, mất, thắng, thua, làm phá tán tài sản gia đình, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, những người tham gia đánh bạc đều giữ vai trò thực hành (làm cái xoay vòng, mỗi người làm cái 03 ván), đều giữ vai trò đồng phạm tích cực, trực tiếp tham gia đánh bạc.

Về vai trò, ý chí thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo: Bị cáo Trình Văn Ch đã sử dụng Văn phòng bắt động sản Đoàn Kết Ph do mình làm chủ để làm địa điểm đánh bạc, rủ rê bị cáo T, Nh thực hiện hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền, sử dụng số tiền đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác thể hiện ý chí thực hiện hành vi phạm tội đến cùng nên cần xử mức án nặng hơn các bị cáo khác. Các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Nh, Tạ Minh T sử dụng số tiền đánh bạc ở mức khác nhau (M sử dụng 4.300.000 đồng, T sử dụng 1.500.000

đồng, Nh sử dụng 800.000 đồng) thể hiện ý chí thực hiện hành vi phạm tội ở các mức độ khác nhau vì vậy cần áp dụng mức xử phạt các bị cáo ở các mức khác nhau.

Về nhân thân: Trước thời điểm xảy ra hành vi phạm tội, các bị cáo Ch, M, Nh có nhân thân tốt. Bị cáo T có nhân thân: Ngày 20/12/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh B1 xử 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 130/2012/HS-ST (bút lục 211). Bản án số 51/2013/HSPT ngày 09/4/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh B1 sửa bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng. Bị cáo T đã chấp hành xong bản án (bút lục 215).

Về tiền án, tiền sự: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Trình Văn Ch, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Nh phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Trình Văn Ch, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Nh, Tạ Minh T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T có cha ruột tên Tạ Minh H được phong tặng Huân chương kháng chiến hạng ba nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm về an ninh trật tự, an toàn xã hội, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn và xử phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo. Đồng thời cần xử phạt các bị cáo mức án phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để đảm bảo sự nghiêm minh cũng như sự khoan hồng của pháp luật và có tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

Xét thấy, về nhân thân, các bị cáo Ch, M, Nh có nhân thân tốt; còn bị cáo T năm 2013, bị cáo Tuyên bị Tòa án nhân dân tỉnh B1 xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo T đã chấp hành xong bản án và tính chất, mức độ của tội phạm lần này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại địa phương các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Tuyên có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Khoản 1 Điều 51 và có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng để cơ

quan có thẩm quyền giám sát, giáo dục; các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên việc cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết. Xét thấy, các bị cáo có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cho các bị cáo hưởng án treo là phù hợp với quy định pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Ch 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Xử phạt bị cáo M 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Xử phạt bị cáo T, Nh mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, số IMEI 1: 860821052606090; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xám và 01 ví da thu giữ của Phạm Minh T; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu xanh, số IMEI: 353897108661325; 01 (một) bóp da màu đen thu giữ của Nguyễn Văn M; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xám, số IMEI 356955704548960 thu giữ của Nguyễn Minh Nh, đây là tài sản cá nhân của các bị cáo T, M và Nh, các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho các bị cáo (bút lục 04, 05, 06) là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với 01 (một) chiếu có viền màu xanh, kích thước (180 x 200) cm; 05 bộ bài tây (đã qua sử dụng); 98 lá bài tây đã qua sử dụng, đây là công cụ các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với số tiền 19.600.000 đồng thu giữ của bị cáo T, M và Ch, đây là tiền sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, căn cứ điều luật, hình phạt, mức hình phạt, hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, đề nghị xử lý vật chứng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên về mức đề nghị hình phạt tù giam đối với bị cáo Ch là chưa phù hợp vì bị cáo Ch có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định pháp luật như Hội đồng xét xử đã nhận định.

[6] Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**



Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố các bị cáo Trình Văn Ch, Tạ Minh T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Nh phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trình Văn Ch 10 (mười) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 27/12/2022).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 27/12/2022).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Nh 08 (tám) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 27/12/2022).

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Tạ Minh T 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 27/12/2022).

Giao bị cáo Trình Văn Ch cho Ủy ban nhân dân phường M, thị xã B, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao các bị cáo Tạ Minh Tuyền, Nguyễn Văn Mai cho Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Minh Nh cho Ủy ban nhân dân xã Nh, thị xã Ch, tỉnh B1 giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng Khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Trình Văn Ch 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Tạ Minh T, Nguyễn Minh Nh mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điểm a, b Khoản 1 Điều 46; Điểm a, b Khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điểm a, b, c Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc có viền màu xanh, kích thước (180 x 200) cm (đã qua sử dụng); 05 bộ bài tây (đã qua sử dụng); 98 lá bài tây (đã qua sử dụng).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với số tiền 19.600.000 đồng (mười chín triệu sáu trăm ngàn đồng) thu giữ của các bị cáo.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/11/2022 và Biên lai thu tiền số AA/2021/0004293 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trình Văn Ch, Tạ Minh T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh Nh, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Khoản 1, 4 Điều 331; Khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/12/2022).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (bà Trâm) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B;
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện D;
- UBND xã L;
- UBND phường M;
- UBND xã Nh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoàng**

